

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ánh

Ông Lê Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 04-15/5/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp 5A, xã TX, huyện TM, Đồng Tháp.

(Chị P có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau có tìm hiểu nhau trước khoản 01 năm không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống với nhau khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T chơi bời, nhậu nhẹt và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, việc làm ăn thì anh T không phụ giúp chị khi chị đi vắng nhà giấu tiền tiêu xài cá nhân, khi về nhà thì kiếm chuyện chửi bới đánh đập nhiều lần,

chị và anh T nhiều lần cự cãi, nhưng vì thương con chị cố gấn nhẫn nhục để sống; đến năm 2007 anh T năng nỉ xin lỗi, chị thấy vậy cho anh T thêm một cơ hội để chung sống nuôi dạy con. Đến năm 2014, vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt tối ngày không quan tâm đến vợ con chị và anh T thỏa thuận ly hôn, nhưng anh T cứ đi đi về về kiếm chuyện bạo lực với vợ con, trong cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không còn hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T.

-Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1992; Lê Hoài P, sinh năm 1994; Lê Hoài L, sinh năm 2000; Lê Thị Như Y, sinh năm 2006. Hiện tại các con đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Lê Thị Như Y và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi Như Y mỗi tháng 2.000.000đồng. Tại phiên hòa giải chị P chỉ yêu cầu được nuôi con tên Lê Thị Như Y, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2018 anh Lê Thanh T trình bày: Về hôn nhân anh thừa nhận thời gian sống chung cũng như việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn như chị P đã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi do thời gian anh chấp hành án phạt tù chị P có quan hệ tình cảm với người khác và có 01 đứa con riêng, nhưng anh vẫn chấp nhận và vợ chồng chung sống anh vẫn còn thương chị P, nay chị P yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1992; Lê Hoài P, sinh năm 1994; Lê Hoài L, sinh năm 2000; Lê Thị Như Y, sinh ngày 04/3/ 2006. Hiện tại 03 đứa con lớn đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Lê Thị Như Y có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau có tìm hiểu nhau trước khoản 01 năm không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống với nhau khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T chơi bời, nhậu nhẹt và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, việc làm ăn thì anh T không phụ giúp chị khi chị đi vắng nhà giấu tiền tiêu xài cá nhân, khi về nhà thì kiếm chuyện chửi bới đánh đập nhiều lần, chị và anh T nhiều lần cự cãi nhưng vì thương con chị cố gồng nín nhục để sống, đến năm 2007 anh T năng nỉ xin lỗi chị thấy vậy cho anh T thêm một cơ hội để chung sống nuôi dạy con. Đến năm 2014 vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt tối ngày không quan tâm đến vợ con chị và anh T thỏa thuận ly hôn, nhưng anh T cứ đi đi về về kiếm chuyện bạo lực với vợ con, trong cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không còn hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T. Còn đối với anh T mặt dù Tòa án đã tổng đạt Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa, trừ trường hợp họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nếu vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Tòa án có thể hoãn phiên tòa, nếu không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì xử lý như sau:*

a) “.....”

b) *Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ*”, do đó xét xử vắng mặt đối với anh Lê Thanh T. Đối với việc chị P xin ly hôn với anh T; Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù việc sống chung của chị P và anh T đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị P và anh T đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 điều 14 Luật Hôn Nhân và Gia Đình có quy định “*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*” và khoản 2 điều 53 Luật Hôn Nhân và Gia Đình cũng có quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*”. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lê Thanh T là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

[2] Về con chung: Chị Ph, anh T thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1992; Lê Hoài P, sinh năm 1994; Lê Hoài L, sinh năm 2000; Lê Thị Như Y, sinh năm 2006. Hiện tại 03 đứa con lớn đã trưởng thành tự lao động

sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Lê Thị Như Y tại phiên tòa, chị P yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Như Y, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Như Y có nguyện vọng được sống với chị P. Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị P đồng ý nuôi con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 04/3/ 2006, chị P không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P, anh T có trách có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị P, anh T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lê Thanh T là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Như Y, sinh ngày 04/3/ 2006 cho chị Nguyễn Thị P nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị P, anh T có trách có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị P, anh T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có;

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số

0002912 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị P đã nộp xong.

Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Thanh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- UBND xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên đóng dấu)

Lê Văn Ngọc